**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN XÚC TIẾN ĐẦU TƯ VÀO THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*(Đính kèm Công văn số 5893 /UBND-KT ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **S**  **T**  **T** | **Tên dự án** | **Đơn vị đề xuất dự án** | **Địa điểm** | **Quy mô, diện tích** | **Hình thức đầu tư** | **Ước tính vốn đầu tư** | | **Ghi chú** |
| **Tỷ VND** | **Triệu USD (1USD= 21.000 VND)** |
|  | **Tổng cộng** | | | | | **32.119,96** | **1.529,46** |  |
|  | **I. Lĩnh vực cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao:(04)** | | | |  | **3.561,6** | **169,6** |  |
| 1 | Khu Công nghiệp Ô Môn | Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ | Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ | Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Ô Môn (bao gồm giải phóng mặt bằng); Diện tích đất khoảng: 317 ha. | 100% vốn trong nước hoặc 100% vốn nước ngoài | 2.730 | 130 |  |
| 2 | Khu Nông nghiệp công nghệ cao 1 – xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Xã Thới Thạnh, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ, | \* Xây dựng các tiểu khu chức năng như sau: tiểu khu điều hành Trung tâm, tiểu khu nghiên cứu và đào tạo, tiểu khu Sản xuất, tiểu khu thông tin và triển lãm, tiểu khu dịch vụ và thương mại.  \* Diện tích đất khoảng 20 ha | 100% vốn trong nước hoặc 100% vốn nước ngoài | 71,4 | 3,4 |  |
| 3 | Khu Nông nghiệp công nghệ cao 2- xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Nông trường Sông Hậu - Ấp 8, xã Thới Hưng, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ. | \* Xây dựng các tiểu khu chức năng như sau: tiểu khu sản xuất, tiểu khu thông tin và triển lãm, tiểu khu dịch vụ và thương mại \* Diện tích đất sử dụng: Xây dựng mới kết hợp cải tạo đầu tư khoảng 244,17 ha | 100% vốn trong nước hoặc 100% vốn nước ngoài | 546 | 26 |  |
| 4 | Khu Nông nghiệp công nghệ cao 3 - xã Thạnh Phú, huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ. | \* Xây dựng các tiểu khu chức năng như sau: tiểu khu Sản xuất, tiểu khu nhân giống thủy sản, tiểu khu thông tin và triển lãm, tiểu khu dịch vụ và thương mại. \* Diện tích đất sử dụng: Xây dựng mới kết hợp cải tạo đầu tư khoảng 70-100 ha. | 100% vốn trong nước hoặc 100% vốn nước ngoài | 214,2 | 10,2 |  |
|  | **II. Lĩnh vực cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ: (01)** | | | |  | **714,23** | **34** |  |
| 5 | Khu công nghệ thông tin tập trung | Sở Thông tin và Truyền thông | Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | Tổng diện tích đất: 100 ha (dự kiến giai đoạn 1 là 35,2 ha). Khu CNTT tập trung phát triển trên các lĩnh vực như sau: nghiên cứu, phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số; sản xuất và lắp ráp các thiết bị điện tử - viễn thông; cung ứng các dịch CNTT-TT; đào tạo nguồn nhân lực về CNTT-TT; xây dựng dựng vườn ươm CNTT-TT; dịch vụ chuyên gia và các dịch vụ hậu cần phục vụ cho sự phát triển của khu CNTT tập trung. Chia thành 6 phân khu chức năng và tỉ lệ diện tích tương ứng với các phân khu chức năng thuộc giai đoạn 1 của Khu CNTT tập trung như sau: + Khu Nghiên cứu, phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số: (khoảng 14,08ha, chiếm 40% diện tích) + Khu Sản xuất và lắp ráp các thiết bị điện tử - viễn thông: (khoảng 7,04ha, chiếm 20% diện tích) + Cung ứng các dịch vụ CNTT-TT: (khoảng 1,76ha, chiếm khoảng 05% diện tích) + Đào tạo nguồn nhân lực CNTT-TT: (khoảng 3,52ha, chiếm 10% diện tích) + Khu Văn phòng quản lý điều hành: (khoảng 1,76ha, chiếm 05% diện tích) + Khu hạ tầng, dịch vụ và cảnh quan: đường giao thông, điện, nước, viễn thông, khu nhà ở chuyên gia, hệ thống nhà trẻ, trường học…công viên cây xanh (khoảng 7,04ha, chiếm 20% diện tích). | Liên doanh hoặc 100% vốn trực tiếp nước ngoài (FDI). | 714,23 | 34 |  |
|  | **III. Lĩnh vực giáo dục, y tế: (06)** | | | |  | **2.214,65** | **105,5** |  |
| 6 | Trường Chính trị thành phố Cần Thơ | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần Thơ | Đường Nguyễn Văn Cừ, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ | Diện tích khu đất xây dựng từ 32.000m2 đến 35.000m2.- Quy mô học viên: 1.000 đến 1.200 học viên/năm.- Khối hiệu bộ: 1.479 m2 (theo điều chỉnh).- Khối giảng đường: 2.160m2 (theo điều chỉnh).- Thư viện: 400m2 (theo điều chỉnh).- Khối hội trường: 1.260m2 (theo điều chỉnh).- Nhà ăn: 300m2 (theo điều chỉnh).- Khối nhà khách công vụ: 354m2 (theo điều chỉnh) phục vụ 20 đến 30 giáo viên.- Ký túc xá: 1.500m2 (cho 150 học viên - theo điều chỉnh).- Trung tâm ngoại ngữ - tin học: nghiên cứu bố trí 02 phòng lad.- Hạng mục cây xanh: nghiên cứu thực hiện xã hội hóa. | Hợp đồng BT | 200 | 9,523 |  |
| 7 | Trường Đại học Kỹ thuật Công nghệ Cần Thơ (cơ sở 2) | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 | Phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Theo Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 11/01/2012 của UBND thành phố Cần Thơ; Diện tích khu đất 17,69ha; theo Quyết định số 1198/QĐ-UBND ngày 07/5/2010; - Qui mô học viên 6.800 sinh viên; qui mô đào tạo nguồn nhân lực về kỹ thuật và một số ngành khác theo nhu cầu xã hội vùng gồm: Đào tạo đại học chính quy, dài hạn; đào tạo đại học theo hướng không chính qui; đào tạo Cao đẳng liên thông lên Đại học; Dự kiến đào tạo sau đại học; Nghiên cứu khoa học và công nghệ, thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục phục vụ cho thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long. - Quy hoạch sử dụng đất: Đất xây dựng công trình 98.485 m2 tương đương 55,66%; gồm Khu Hiệu bộ, Hội trường trung tâm, trung tâm học liệu, khu giảng đường và các khoa Điện tử viễn thông, khoa quản lý công nghiệp, khoa công nghệ hóa, khoa chế biến, khoa xây dựng, khoa kỹ thuật cơ khí, khoa năng lượng môi trường, khoa kỹ thuật giao thông, khoa khoa học ứng dụng, khu ký túc xá và căn tin. - Đất kỹ thuật 590m2 tương đương 0.33%. - Đất cây xanh, mặt nước, thể dục thể thao 30.497m2, tương đương 17.24% - Đất giao thông 47.937m2 tương đương 26, 77%. - Hạ tầng kỹ thuật; cấp thoát nước; cấp điện; phòng cháy chữa cháy. | Hợp đồng BT | 800 | 38,095 |  |
| 8 | Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ (cơ sở II) thành trường nghề đạt đẳng cấp quốc tế | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 | Phường Long Hòa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Số liệu quy mô dựa trên cơ sở Đề cương nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ (cơ sở 2) đang trình thẩm định. - Diện tích khu đất 6,45ha. - Dự kiến các khối nhà gồm: Khối học tập; khối thực hành - lao động; khối phục vụ học tập; khối rèn luyện thể chất (TDTT); khối hành chánh quản trị và phụ trợ; khối phục vụ sinh hoạt; hành lang kết nối; căn tin; nhà bảo vệ; nhà xe giáo viên; nhà kỹ thuật; nhà điều hành đào tạo lái xe; hồ bơi; sân thể thao; sân bóng rổ. - Tổng diện tích sàn 34.000m2; diện tích đường giao thông nội bộ 16.700m2; hàng rào xung quanh 1.100md; hệ thống cấp thoát nước, nước thải; điện chiếu sáng, điện hạ thế sinh hoạt.  - Dự kiến tổng số học viên đến năm 2015 gồm: Cao đẳng nghề 1.000 hs, trung cấp nghề 1000 hs; sơ cấp nghề 1200 hs; mở rộng ngành 300 hs; tổng số 3500 hs; dự kiến đến năm 2020 tổng số học sinh 5000 học sinh. | Hợp đồng BT | 654 | 31,142 |  |
| 9 | Xây dựng, nâng cấp Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật thành trường Cao đẳng văn hóa nghệ thuật | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 | Phường Long Hòa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Quy mô Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ theo Quy hoạch chi tiết 1/500 đang trình Hội đồng thẩm định để chọn phương án.- Diện tích khu đất 7,462ha;- Tổng số học sinh 1650 học viên; gồm 06 khoa sau: khoa Âm nhạc - múa, khoa mỹ thuật, khoa sân khấu, khoa văn hóa thông tin, khoa sư phạm, khoa đào tạo các chuyên ngành khác và khu Hiệu bộ - thư viện; khu ký túc xá, hội trường, căn tin và khu thể thao;- Diện tích xây dựng 20.941 m2 gồm: khu học tập 11.550m2; khu thể dục thể thao 4.242m2; khu ký túc xá 5.149m2; Khu cây xanh 26.734m2; diện tích giao thông sân bãi 26.950m2. | Hợp đồng BT | 300 | 14,285 |  |
| 10 | Mở rộng Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2 | 340 đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | Theo thiết kế cơ sở kèm theo Dự án Xây dựng & mở rộng Trường Cao Đẳng Y tế Cần Thơ với quy mô diện tích như sau: - Diện tích đất hiện trạng còn lại sau khi giải tỏa là 4.311 m2; diện tích đất mở rộng là 2.815m2; tổng cộng 7.126m2; - Khu đất mở rộng được xây dựng nhà 6 tầng với diện tích xây dựng là 1.277m2; diện tích sử dụng là 7.258m2 gồm: Tầng trệt Sân, sảnh, phòng truyền thống, phòng thực hành, phòng giáo viên và bộ môn; tầng 2 gồm hội trường, 4 phòng học thực hành, phòng giáo viên và bộ môn; tầng 3 gồm 4 phòng học, phòng giáo viên và bộ môn, thông tầng của hội trường; tầng 4 gồm 4 phòng học, phòng giáo viên và bộ môn, thư viện; tầng 5 gồm 6 phòng thực hành, phòng giáo viên và bộ môn, mái che đa dụng 144m2, ôn tập + thảo luận; tầng 6 gồm 6 phòng thực hành, phòng giáo viên và bộ môn; tầng 7 thang bộ và khu kỹ thuật thang máy. - Cải tạo khối nhà 3 tầng gồm Sân, Hiệu bộ, hậu cần; tầng 2 gồm phòng học phổ thông, phòng giáo viên, phòng bộ môn; tầng 3 gồm phòng học phổ thông, phòng giáo viên bộ môn. | Hợp đồng BT | 97,364 | 4,636 |  |
| 11 | Trung tâm y tế quận Bình Thủy | Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy | Khu Dân cư Ngân Thuận, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Tổng diện tích khu đất: 15.066 m2 (Toàn bộ là mặt bằng sạch) Tổng diện tích xây dựng: 5.398 m2 Cao độ san lấp: +2.4m Khối nhà chính: Công trình dân dụng cấp II, 1 trệt 2 lầu gồm tầng trệt 3.936 m2, lầu 1: 3.777 m2, lầu 2: 1.515 m2. Công trình phụ: Công trình cấp IV: nhà bảo vệ, kho xưởng, nhà xe, tường rào, cơ sở hạ tầng thoát nước, chiếu sáng ngoại vi, phòng cháy chữa cháy,...  Hệ thống kỹ thuật khác: hệ thống khí y tế, thông tin, máy lạnh, thiết bị y tế, thiết bị làm việc... | Hợp đồng BT | 163,286 | 7,775 |  |
|  | **IV. Lĩnh vực hạ tầng giao thông: (06)** | | | | | **5.419,44** | **258,05** |  |
| 12 | Mở rộng đường Hoàng Quốc Việt, quận Ninh Kiều | Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều |  | Tổng chiều dài toàn tuyến: 3375,53m (kể cả cầu). Trong đó: - Phần đường: mắt cắt ngang đường: 5m+9m+2m+9m+5m. Loại đường cấp cao A1. Tải trọng 100KN (xe có trục 10T). - Phần cầu: 02 cầu/37,8m. Tĩnh không thông thuyền: 1,5m. Bề rộng mặt cầu: 9m+2m+9m. Tải trọng thiết kế HL93. - Phần cống thoát nước: chiều dài cống dọc Ø800 là 3668m. Chiều dài cống dọc Ø1000 là 3095m. Tải trọng thiết kế H.30, XB-80. - Phần điện chiếu sáng: tổng số trụ đèn 123 trụ, khoảng cách giữa 2 trụ đèn là 30m. \* Tổng vốn đầu tư dự kiến: 280.710.554.555 đồng, quy ra khoảng 13.288.074 USD (tổng vốn đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án ngày 30 tháng 9 năm 2010) | Hợp đồng BT | 280,7 | 13,36 |  |
| 13 | Đầu tư xây dựng Đường 917 (đoạn nối từ cầu Trà Nóc 2 đến Quốc Lộ 91B) | Ủy ban nhân dân quận Bình Thủy | Từ cầu Trà Nóc 2 phường Thới An Đông đến Quốc Lộ 91B, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | Phần đường: Diện tích sử dụng đất: 3,65ha. Diện tích nút giao: 0,47ha. Chiều dài tuyến: 1,2km. Cấp hạng: cấp III đồng bằng. Vận tốc thiết kế: 80km/h. Mặt cắt ngang, mặt đường xe chạy: 7m. Lề gia cố: 2x2=4cm. Lề đất: 2x0.5=1m. Nền rộng: 12m. Phần cống: Cống ông gấm: 1 cống hộp BTCT dài 21m. Ba cống tròn: D1000, dài 15m/cái, cống đơn. Hệ thống chiếu sáng: 1,2km, 1 bên.  - Kinh phí đầu tư xây dựng:  + Tổng kinh phí theo khái toán của dự án được lập: 63.067.501.678 đồng; trong đó: Chi phí xây dựng: 28.196.860.000 đồng. Chi phí BTTHGPMB: 22.679.729.865 đồng. Chi phí quản lý dự án: 472.686.937 đồng. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.787.563.700 đồng. Chi phí khác: 695.690.282 đồng. Chi phí dự phòng: 9.234.970.691 đồng.  + Để thực hiện hợp đồng theo hình thức BT cần phải thêm chi phí lãi vay huy động vốn đầu tư + chi phí lãi trả trong thời gian 5 năm + lợi nhuận của nhà đầu tư là (giá trị cụ thể sẽ có bảng tính khi hoàn thiện hồ sơ dự án): 18.000.000.000 đồng.  Tổng mức đầu tư khi thực hiện hợp đồng theo hình thức BT: 81.067.501.678 đồng | Hợp đồng BT | 81,067 | 3,86 |  |
| 14 | Đầu tư xây dựng Đường 917 (đoạn từ Quốc lộ 91B đến cuối tuyến) | Sở Giao thông vận tải | quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Đường cấp III đồng bằng | Hợp đồng BT | 600 | 28,571 |  |
| 15 | Đầu tư xây dựng công trình Đường tỉnh 918, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | Sở Giao thông vận tải | Quận Bình Thủy và huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ | Đường cấp III đồng bằng | Hợp đồng BT | 1.372 | 65,33 |  |
| 16 | Đầu tư xây dựng và nâng cấp Đường tỉnh 922 giai đoạn 1, TP. Cần Thơ (Tuyến nhánh Quốc lộ 91 nối quận Ô Môn, TP. Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang) | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần Thơ | quận Ô Môn, huyện Thới Lai và huyện Cờ Đỏ, TP. Cần Thơ | Chiều dài tuyến toàn tuyến: L= 22,5Km. Đường cấp III, đồng bằng, mặt đường cấp phối đá dăm láng nhựa, nền rộng 12m, mặt rộng 7m, lề gia cố rộng mỗi bên 2m, lề không gia cố rộng mỗi bên 0,5m. Tải trọng thiết kế: trục xe 10 tấn. trên tuyến có: 17 cầu, tải trọng thiết kế HL93, khổ cầu từ 12 đến 13,5m. Diện tích sử dụng đất: 1.275.017 m2 | Hợp đồng BT | 2.194,6 | 104,5 |  |
| 17 | Đầu tư xây dựng Đường tỉnh 923 (đoạn Phong Điền QL91 từ Km11+326,8 đến Km25+680) | Sở Giao thông vận tải | Quận Bình Thủy và quận Ô Môn, TP. Cần Thơ | Đường cấp III đồng bằng | Hợp đồng BT | 891,068 | 42,432 |  |
|  | **V. Lĩnh vực du lịch, cơ sở hạ tầng du lịch: (07)** | | | | | **7.605,5** | **362,15** |  |
| 18 | Khu du lịch Cồn Sơn | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Tổng diện tích đất phục vụ dự án 74,4ha | 100% vốn trong nước hoặc 100% vốn nước ngoài | 1.050 | 50 |  |
| 19 | Khu du lịch sinh thái Phong Điền | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ | Tổng diện tích: 1.000 ha | 100% vốn trong nước hoặc 100% vốn nước ngoài | 2.100 | 100 |  |
|
| 20 | Khu du lịch sinh thái Cồn Khương |  | Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | Quy mô 90 ha |  | 1.500 | 71,42 |  |
| 21 | Xây dựng khách sạn - hội nghị - Cần Thơ tiêu chuẩn 5 sao | Công ty cổ phần Du lịch Cần Thơ | Tọa lạc tại trung tâm TP.Cần Thơ, thuộc cồn Cái Khế, mặt tiền chính nhìn về sông Hậu, cách cầu Cần Thơ 2km, cách trung tâm thành phố (bến Ninh Kiều) 0,6km | + Khối khách sạn nghỉ dưỡng 264 phòng, có diện tích sàn 17.500m2;  + Khối dịch vụ : dự kiến diện tích sàn 18.500m2 gồm : khu nhà hàng, khu hội nghị, khu bar giải trí, khu TDTT, khu thể dục thẩm mỹ, câu lạc bộ sức khỏe, khu thương mại, shop, lưu niệm, mua sắm, khu hồ bơi, Spa ngoài trời, Terrace hồ bơi, sân tennis.  + Khối cảnh quang, sân vườn, cây cảnh, giao thông nội bộ, sân bãi,  + Bến bãi du thuyền, các dịch vụ trên sông nước.  - Diện tích đất xây dựng : 2,9 ha trong khu du lịch cồn Cái Khế. | Liên doanh Đối tác Việt Nam: Công ty cổ phần Du lịch Cần Thơ | 955,5 | 45,5 |  |
| 22 | Khu Resort và khách sạn 5 sao tại Cồn Cái Khế |  | Cồn Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | Quy mô 3 ha |  | 1.200 | 57,14 |  |
| 23 | Khách sạn cao cấp tiêu chuẩn 5 sao |  | Phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | Quy mô 0,72 ha |  | 85 | 4,04 |  |
| 24 | Trung tâm văn hóa Tây Đô, thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần Thơ | Khu đô thị Nam Cần Thơ thuộc phường Hưng Phú và phường Hưng Thạnh, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ | Khu vui chơi giải trí đa chức năng: diện tích 56ha, là mảng cây xanh trong lòng thành phố, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, du lịch sinh thái với nhiều loại hình để du khách trong và ngoài nước đến thưởng ngoạn.  Bao gồm các khu chức năng:  - Bảo tàng văn hóa dân gian Nam bộ (4,0ha): để gìn giữ bảo tồn và phát huy có hiệu quả các giá trị văn hoá: vật thể và phi vật thể. - Trung tâm sản vật miệt vườn (Khách sạn du lịch – lữ hành và dịch vụ sự kiện) (5,9ha)  - Khu Công viên Văn hóa làng các dân tộc (14,8ha) - Đất nước Việt Nam thu nhỏ (1,9ha) - Đồng bằng sông Cửu Long thu nhỏ (Khu biểu tượng Tây Đô) – 3,45ha (Ghi chú: Từng dự án thành phần có thể tách ra để kêu gọi Nhà đầu tư tham gia đầu tư.) | 100% vốn trong nước hoặc 100% vốn nước ngoài | 715 | 34,047 |  |
|  | **VI. Lĩnh vực bất động sản: (04)** | | | | | **12.604,54** | **600,2** |  |
| 25 | Khu nhà ở, văn phòng, thương mại và dịch vụ | Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh nhà | Khu dân cư Hưng Phú 1 thuộc phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. | A/ KHU DÂN CƯ HƯNG PHÚ 1:  Các block số 1a, 1b,1c,1d; 2a, 2b, 2c, 2d; 3a, 3b, 3c, 3d, 3e, 3f, 3g; 4a, 4b; 5a, 5b; 6a, 6b; 7(có sơ đồ vị trí đính kèm)  Tổng diện tích các block Khu nhà ở, văn phòng, thương mại dịch vụ: 75.596,2 m2 chưa có hồ sơ thiết kế cơ sở, trong đó diện tích xây dựng 35.353,8m2 - Khái toán vốn đầu tư dự án: 305.209.211USD a) Giá trị mua quyền sử dụng đất: 75.596,2 m2 x 1.685 USD/m2/năm x 2% x 50 năm = 127.379.597USD b) Giá thành xây dựng: 35.353,8 m2 x 10 tầng x 503 USD/m2= 177.829.614USD  - Nguồn vốn kêu gọi đầu tư:  + Vốn chủ sở hữu (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng): 30% - 50% + Vốn các đối tác tham gia: 50% - 70% (trong quá trình đàm phán, nguồn vốn có thể thay đổi theo tình hình thực tế) | Liên doanh đối tác VN:  Công ty Phát triển và Kinh doanh nhà | 6.409,39 | 305,209 |  |
| Khu tái định cư Phú An thuộc phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. | B/ KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHÚ AN:  1. Các block số 1, 3, 4, 5 (có sơ đồ vị trí đính kèm) Tổng diện tích các block số 1, 3, 4, 5 Khu nhà ở, văn phòng, thương mại dịch vụ: 53.533m2 chưa có hồ sơ thiết kế, trong đó diện tích xây dựng 21.413m2  - Khái toán vốn đầu tư dự án = 197.910.495USD  a) Giá trị mua quyền sử dụng đất: 53.533m2 x 1.685 USD/m2/năm x 2% x 50 năm = 90.203.105USD  b) Giá thành xây dựng: 21.413 m2 x 10 tầng x 503 USD/m2= 107.707.390USD  - Nguồn vốn kêu gọi đầu tư:  + Vốn chủ sở hữu (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng): 30% - 50%  + Vốn các đối tác tham gia: 50% - 70% (trong quá trình đàm phán, nguồn vốn có thể thay đổi theo tình hình thực tế).  2. Block số 2 (có sơ đồ vị trí đính kèm) Khu đa chức năng này đã có hồ sơ thiết kế cơ sở. Tổng diện tích Khu nhà ở, văn phòng, thương mại dịch vụ: 19.780 m2, trong đó diện tích xây dựng 7.912m2.  - Khái toán vốn đầu tư dự án: 80.430.220USD  a/ Giá trị mua quyền sử dụng đất: Diện tích: 19.780 m2 (100m x 197m)19.780 m2 x 1.685 USD/m2/năm x 2% x 50 năm = 33.329.300USD  b/ Giá thành xây dựng:- Diện tích sử dụng khối văn phòng 18 tầng: 1.815m2 x 18tầng x 503USD/m2 = 16.433.010 USD  - Diện tích sử dụng khối thương mại còn lại. 6.097 m2 x 10 tầng x 503USD/m2 = 30.667.910USD  - Nguồn vốn kêu gọi đầu tư:  + Vốn chủ sở hữu (bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và đầu tư cơ sở hạ tầng): 30% - 50%  + Vốn các đối tác tham gia: 50% - 70% (trong quá trình đàm phán, nguồn vốn có thể thay đổi theo tình hình thực tế). | 5.845,15 | 278,34 |
| 26 | Cao ốc văn phòng tại 102 đường Cách mạng tháng Tám |  | Số 102 đường Cách mạng tháng Tám, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ | Quy mô 0,609 ha |  | 120 | 5,71 |  |
| 27 | Khu tái định cư Trung tâm Văn hóa Tây Đô giai đoạn 2, Lô số 5B, Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ |  | Lô số 5B, Khu đô thị mới Nam sông Cần Thơ, TP. Cần Thơ | Quy mô 13,309 ha |  | 150 | 7,14 |  |
| 28 | Cao ốc văn phòng, thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp tại Quốc lộ 91B |  | Quốc lộ 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | Quy mô 5,4 ha |  | 80 | 3,8 |  |
|  | **VII. Lĩnh vực văn hóa - xã hội: (01)** | | |  |  | **0** | **0** |  |
| 29 | Công viên nghĩa trang tại quận Bình Thủy |  | Phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Quy mô 26,8 ha |  |  |  |  |